

Số/No.: 679/2025/CV-PC

Tp. HCM, ngày 29 tháng 08 năm 2025
Ho Chi Minh City, August 29, 2025

V/v: Công bố báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu ESOP và thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết
Ref: Disclosing the report on the result of the ESOP issuance and notification of changes in number of shares with voting rights

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG **EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi:
Respectfully to:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
State Securities Commission of Vietnam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Vietnam Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**

Name of organization: **VIET DRAGON SECURITIES CORPORATION**

Mã chứng khoán/Mã thành viên : VDS/033

Stock code/Broker code

Địa chỉ/Address : Tầng 1 đến Tầng 8, Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, TP.HCM
Floor 1 to Floor 8, Viet Dragon Tower, 141 Nguyen Du Street, Ben Thanh Ward, HCMC

Điện thoại liên hệ/Tel : 028.6299.2006

E-mail : congbothongtin@vdsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt trân trọng công bố/Viet Dragon Securities Corporation respectfully announce:

- Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty; và
Report on the result of share issuance under the Employee Stock Ownership Plan (ESOP); and
- Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết.
Notification of changes in number of shares with voting rights.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/08/2025 tại đường dẫn <https://vdsc.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>

This information was published on the Company's website on August 29, 2025, as in the link <https://vdsc.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo số 51/2025/BC-HĐQT
Report No. 51/2025/BC-HĐQT
- Thông báo số 52/2025/TB-HĐQT
Notification No. 52/2025/TB-HĐQT

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above.
- Lưu/Archives: VT, PC.

ĐẠI DIỆN CTCP CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

REPRESENTATIVE OF VIET DRAGON

SECURITIES CORPORATION

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION

TỔNG GIÁM ĐỐC/GENERAL DIRECTOR



NGUYỄN THỊ THU HUYỀN



-----oOo-----

Số/No.: 51./2025/BC-HĐQT

TP. HCM, ngày 29. tháng 08 năm 2025
HCM City, August 29., 2025

BÁO CÁO REPORT

Kết quả đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty
The result of share issuance under the Employee Stock Ownership Plan (ESOP)

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
To: - STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH/ INTRODUCTION TO THE ISSUING ORGANIZATION

- Tên Tổ chức phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**
The Issuing Organization Name: VIET DRAGON SECURITIES CORPORATION
- Tên viết tắt: RỒNG VIỆT
Abbreviated Name: VDSC
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 đến Tầng 8, Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Head Office Address: Floors 1 to 8, Viet Dragon Tower, 141 Nguyen Du Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Số điện thoại/ Telephone: (028) 6299 2006 Website: www.vdsc.com.vn
- Vốn điều lệ: 2.673.000.000.000 đồng.
Charter Capital: VND 2,673,000,000,000.
- Mã cổ phiếu: VDS
Stock code: VDS.
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – CN TP.HCM
Place of payment account opening: Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank – HCM City Branch.
Số hiệu tài khoản/ Account Number: 211014851103685
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0304734965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 21/12/2006, cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 18/08/2025.
Enterprise Registration Certificate number 0304734965, initially issued by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment on December 21, 2006, with the 22nd amendment issued on August 18, 2025.
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép HKĐK số 32/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 21/12/2006 và Giấy phép điều chỉnh số 43/GPĐC-UBCK cấp ngày 08/07/2025.
Business License No. 32/UBCK-GPHĐKD, issued by the Chairman of the State Securities Commission (SSC) on December 21, 2006, Amended Business License No. 43/GPĐC-UBCK, issued on July 08, 2025.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH/ THE PLAN FOR SHARE ISSUANCE

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt.
Name of Share: Viet Dragon Securities Corporation Share.
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
Type of shares: Common shares.
3. Số lượng cổ phiếu trước thời điểm phát hành: 267.300.000 cổ phiếu.
Number of shares prior to the issuance: 267,300,000 shares
 - Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 267.300.000 cổ phiếu.
Total issued shares: 267,300,000 shares.
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 267.300.000 cổ phiếu.
Total outstanding shares: 267,300,000 shares.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
Treasury shares: 0 share.
4. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 4.700.000 cổ phiếu, tương ứng 1,76% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
Expected number of shares to be issued: 4,700,000 shares, equivalent to 1.76% of the total number of outstanding shares.
5. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 50% số lượng cổ phiếu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm, 50% số lượng cổ phiếu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 02 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
Transfer restrictions: 50% of the issued ESOP shares will be subject to a one-year lock-up period, and the remaining 50% will be subject to a two-year lock-up period, starting from the completion date of the issuance.
6. Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
Issued price: VND 10,000/ share.
7. Ngày kết thúc đợt phát hành: 29/08/2025.
Closing date of the issuance: August 29, 2025.
8. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu: Dự kiến trong tháng 9 – tháng 10/2025.
Expected date of share transfer: Expected between September and October 2025.

III. KẾT QUẢ PHÁT HÀNH/ ISSUANCE RESULTS

1. Số cổ phiếu đã phân phối: 4.700.000 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.
Number of shares distributed: 4,700,000 shares, equivalent to 100% of the total number of shares expected to be issued.
2. Số người lao động được phân phối: 207 người.
Number of employees allocated shares: 207 employees.
3. Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 29/08/2025): 272.000.000 cổ phiếu, trong đó:



Total number of shares after the issuance (as of August 29, 2025): 272,000,000 shares, including:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 272.000.000 cổ phiếu.

Number of outstanding shares: 272,000,000 shares.

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

Number of treasury shares: 0 share.

IV. TÀI LIỆU GỬI KÈM/ **ENCLOSED DOCUMENTS**

1. Nghị quyết HĐQT số 21/2025/NQ-HĐQT ký ngày 28/08/2025 về việc tiếp tục phân phối cổ phiếu chưa được đăng ký mua trong đợt phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2025;

Resolution of the Board of Directors No. 21/2025/NQ-HĐQT dated August 28, 2025 regarding the continued distribution of unsubscribed shares under the 2025 Employee Stock Ownership Plan (ESOP);

2. Danh sách người lao động tham gia mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty;

List of employees participating in the share purchase under the company's Employee Stock Ownership Plan;

3. Văn bản xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt phát hành.

Confirmation letter from the bank where the escrow account is held, verifying the proceeds collected from the issuance.

Nơi nhận/ To:

- UBCKNN/ SSC, VNX, HSX;
- Quý Cổ đông/ Shareholders;
- HĐQT, BKS "để báo cáo"/ BOD, BOS "to follow";
- Lưu VP. HĐQT/ Archive in BOD Office.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**

VIET DRAGON SECURITIES CORPORATION

LEGAL REPRESENTATIVE

CHAIRMAN



NGUYỄN MIÊN TUẤN

DANH SÁCH CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐÃ PHÁT HÀNH THÀNH CÔNG THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (ESOP) NĂM 2025 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

LIST OF EMPLOYEES AND THE NUMBER OF SHARES SUCCESSFULLY ISSUED UNDER THE 2025

EMPLOYEE STOCK OWNERSHIP PLAN (ESOP) OF VIET DRAGON SECURITIES CORPORATION

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 51/2025/BC-HĐQT ngày 29/08/2025 về Kết quả đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động)
(Promulgated together with Report No. 51/2025/BC-HĐQT dated 29/08/2025 regarding Result of shares issuance under the Employee Stock Ownership Plan)

STT No.	Họ và tên/ Full name	Chức danh/ Title	Tổng số cổ phiếu đã phát hành/ Total issued shares	Giá trị phát hành (VNĐ)/ Issuance value (VND)
I	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát/ Board of Directors, Board of Supervisors		845.700	8.457.000.000
1	NGUYỄN MIỀN TUẤN	Chủ tịch HĐQT/ Chairman	277.800	2.778.000.000
2	NGUYỄN THỨC VINH	Thành viên HĐQT chuyên trách/ Full-time Member of the BoD	168.400	1.684.000.000
3	NGUYỄN HIẾU	Thành viên HĐQT/ Member of the BoD	60.700	607.000.000
4	NGUYỄN CHÍ TRUNG	Thành viên HĐQT chuyên trách/ Full-time Member of the BoD	160.400	1.604.000.000
5	HOÀNG HẢI ANH	Thành viên HĐQT độc lập/ Independent Member of the BoD	44.600	446.000.000
6	TRẦN NAM TRUNG	Thành viên HĐQT độc lập/ Independent Member of the BoD	44.600	446.000.000
7	PHẠM HỮU LUÂN	Thành viên HĐQT/ Member of the BoD	44.600	446.000.000
8	HỒ TẤN ĐẠT	Trưởng BKS/ Chief Supervisor	44.600	446.000.000
II	Nhân sự Nhóm 1/ Personnel of Group 1		940.200	9.402.000.000
9	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Tổng Giám đốc/ General Director	259.700	2.597.000.000
10	LÊ MINH HIẾN	Phó Tổng Giám đốc kiêm GĐTC/ Deputy General Director and CFO	155.900	1.559.000.000
11	NGUYỄN HẮC HẢI	Giám đốc điều hành/ Executive Director	120.800	1.208.000.000
12	PHẠM TẤN TIẾN	Giám đốc điều hành/ Executive Director	141.500	1.415.000.000
13	TRẦN THĂNG LONG	Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc CN Hà Nội Executive Director and Director of Hanoi Branch	132.400	1.324.000.000
14	NGUYỄN NGỌC VÂN PHƯƠNG	Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Nhân sự Executive Director and Human Resources Director	129.900	1.299.000.000
III	Nhân sự Nhóm 2/ Personnel of Group 2		610.300	6.103.000.000
15	LÊ VƯƠNG HÙNG	Giám đốc Khối/ Director	47.900	479.000.000
16	PHẠM PHONG THÀNH	Giám đốc Khối/ Director	39.700	397.000.000
17	TRẦN THỊ QUỲ	Giám đốc Khối/ Director	46.700	467.000.000
18	TRƯƠNG THỊ THU HẰNG	Giám đốc Khối/ Director	59.800	598.000.000
19	LÂM TRƯỜNG PHONG	Giám đốc Trung tâm/ Director	59.800	598.000.000
20	DƯƠNG KIM CHI	Kế toán trưởng/ Chief Accountant	59.800	598.000.000
21	ĐINH CÔNG MINH	Chánh Văn phòng/ Head of BoD Office	71.800	718.000.000
22	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAM	Phó Giám đốc Trung tâm/ Deputy Director	57.400	574.000.000
23	NGUYỄN THỊ THÚY TIẾN	Phó Giám đốc Khối/ Deputy Director	55.000	550.000.000
24	TRẦN MINH MÃN	Phó Giám đốc Trung tâm/ Deputy Director	56.200	562.000.000
25	LÊ THANH NHÃ	Phó Giám đốc Trung tâm/ Deputy Director	56.200	562.000.000
IV	Nhân sự Nhóm 3/ Personnel of Group 3		798.200	7.982.000.000
26	LÊ MINH NGUYỄN	Giám đốc thuộc Khối/ Senior Manager	24.500	245.000.000
27	TRẦN THUY KIM LY	Giám đốc thuộc Khối/ Senior Manager	25.500	255.000.000
28	BÙI DUY THỤY	Giám đốc thuộc Khối/ Senior Manager	30.300	303.000.000
29	NGUYỄN VĂN MẠNH	Giám đốc thuộc Khối/ Senior Manager	27.700	277.000.000
30	TRẦN LONG HUÂN	Giám đốc thuộc Khối/ Senior Manager	27.200	272.000.000
31	ĐẶNG QUANG ĐÔNG	Giám đốc thuộc Khối/ Senior Manager	23.900	239.000.000

STT No.	Họ và tên/ Full name	Chức danh/ Title	Tổng số cổ phiếu đã phát hành/ Total issued shares	Giá trị phát hành (VNĐ)/ Issuance value (VND)
32	NGUYỄN THỊ MỸ NƯƠNG	Trưởng phòng Khối Kinh doanh/ Manager of the Business Division	31.500	315.000.000
33	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	Trưởng phòng Khối Kinh doanh/ Manager of the Business Division	18.600	186.000.000
34	PHẠM CHIẾU VÂN	Trưởng phòng Khối Kinh doanh/ Manager of the Business Division	24.500	245.000.000
35	NGUYỄN THỊ QUỲNH LIÊN	Trưởng phòng Khối Kinh doanh/ Manager of the Business Division	25.500	255.000.000
36	NGUYỄN HỒNG TRANG	Trưởng phòng Khối Kinh doanh/ Manager of the Business Division	23.900	239.000.000
37	HOÀNG THỊ THU HƯƠNG	Trưởng phòng Khối Kinh doanh/ Manager of the Business Division	23.400	234.000.000
38	TRẦN QUANG KHẢI	Trưởng phòng Khối Kinh doanh/ Manager of the Business Division	26.500	265.000.000
39	LÊ HỮU THOẠI	Trưởng phòng Khối Kinh doanh/ Manager of the Business Division	20.100	201.000.000
40	NGÔ THANH TUYẾN	Trưởng phòng Khối Kinh doanh/ Manager of the Business Division	20.100	201.000.000
41	BÀNH TRÍ TƯỜNG	Trưởng phòng Khối Kinh doanh/ Manager of the Business Division	27.000	270.000.000
42	TRỊNH ĐỨC HIẾU	Trưởng phòng Khối Kinh doanh/ Manager of the Business Division	19.600	196.000.000
43	ĐẶNG THẢO NGUYỄN	Trưởng phòng Khối Kinh doanh/ Manager of the Business Division	22.300	223.000.000
44	HUỲNH MINH TÂM	Trưởng phòng Nghiệp vụ Hội sở/ Manager of HO Operations Department	25.500	255.000.000
45	HUỲNH TÚ HOA	Trưởng phòng Nghiệp vụ Hội sở/ Manager of HO Operations Department	25.500	255.000.000
46	NGUYỄN TRUNG QUÂN	Trưởng phòng Nghiệp vụ Hội sở/ Manager of HO Operations Department	25.500	255.000.000
47	NGUYỄN BÍCH DIỆP	Trưởng phòng Nghiệp vụ Hội sở/ Manager of HO Operations Department	25.500	255.000.000
48	TRẦN NỮ HOÀI THU	Trưởng phòng Nghiệp vụ Hội sở/ Manager of HO Operations Department	25.500	255.000.000
49	NGUYỄN THỊ THANH LAN	Trưởng phòng Nghiệp vụ Hội sở/ Manager of HO Operations Department	25.500	255.000.000
50	NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG	Trưởng phòng Nghiệp vụ Hội sở/ Manager of HO Operations Department	26.000	260.000.000
51	NGUYỄN ĐẠI HIỆP	Trưởng phòng Nghiệp vụ Hội sở/ Manager of HO Operations Department	23.900	239.000.000
52	TRẦN NHẬT THÁI PHONG	Giám đốc/ Manager	23.900	239.000.000
53	NGUYỄN VĂN THIÊN	Phó Giám đốc Chi nhánh loại 1/ Deputy Director of type 1 Branch	27.200	272.000.000
54	NGUYỄN KIM HOAN	Phó Giám đốc Chi nhánh loại 1/ Deputy Director of type 1 Branch	27.200	272.000.000
55	NGUYỄN THẾ HOÀI	Giám đốc Chi nhánh loại 2/ Director of type 2 Branch	23.900	239.000.000
56	HUỲNH HỮU PHƯỚC	Giám đốc Chi nhánh loại 2/ Director of type 2 Branch	25.500	255.000.000
57	NGUYỄN HUY BẰNG	Giám đốc Chi nhánh loại 2/ Director of type 2 Branch	25.500	255.000.000
V	Nhân sự Nhóm 4/ Personnel of Group 4		511.700	5.117.000.000
58	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	Trưởng phòng Khách hàng Cá nhân/ Manager of Individual Client Department	22.800	228.000.000
59	NGUYỄN THỊ THẢO NHƯ	Trưởng phòng Khách hàng Cá nhân/ Manager of Individual Client Department	18.300	183.000.000
60	HỒ NGUYỄN THỦY TIÊN	Trưởng phòng Khách hàng Cá nhân/ Manager of Individual Client Department	18.000	180.000.000
61	TRẦN HOÀNG NGỌC TRẦN	Trưởng phòng Khách hàng Cá nhân/ Manager of Individual Client Department	18.300	183.000.000
62	NGUYỄN NGỌC TÀI	Trưởng phòng Khách hàng Cá nhân/ Manager of Individual Client Department	18.300	183.000.000
63	NGUYỄN HỮU HOÀNG	Trưởng phòng Khách hàng Cá nhân/ Manager of Individual Client Department	18.300	183.000.000
64	LÊ DIỆU LINH	Trưởng phòng Khách hàng Cá nhân/ Manager of Individual Client Department	19.000	190.000.000
65	ĐẶNG AN TRANG	Trưởng phòng Khách hàng Cá nhân/ Manager of Individual Client Department	19.700	197.000.000
66	BIỆN XUÂN DUY PHƯƠNG	Phó phòng Khối Kinh doanh/ Deputy Manager of the Business Division	16.800	168.000.000
67	TRƯƠNG HUỲNH TRÚC	Phó phòng Khối Kinh doanh/ Deputy Manager of the Business Division	16.800	168.000.000
68	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	Phó phòng Khối Kinh doanh/ Deputy Manager of the Business Division	57.600	576.000.000
69	BÙI NAM PHƯƠNG	Phó phòng Khối Kinh doanh/ Deputy Manager of the Business Division	23.900	239.000.000
70	NGUYỄN HOÀI THU	Phó phòng Khối Kinh doanh/ Deputy Manager of the Business Division	20.000	200.000.000
71	LÊ PHẠM THỰC QUYÊN	Phó phòng Khối Kinh doanh/ Deputy Manager of the Business Division	15.200	152.000.000
72	TRẦN KIỆT LUÂN	Phó phòng Khối Kinh doanh/ Deputy Manager of the Business Division	18.800	188.000.000
73	ĐỖ THANH TÙNG	Phó phòng Nghiệp vụ Hội sở/ Deputy Manager of HO Operations Department	18.800	188.000.000
74	LÊ TỰ QUỐC HÙNG	Phó phòng Nghiệp vụ Hội sở/ Deputy Manager of HO Operations Department	19.300	193.000.000

STT No.	Họ và tên/ Full name	Chức danh/ Title	Tổng số cổ phiếu đã phát hành/ Total Issued shares	Giá trị phát hành (VNĐ)/ Issuance value (VND)
75	NGUYỄN HOÀI SINH	Phó phòng Nghiệp vụ Hội sở/ Deputy Manager of HO Operations Department	19.600	196.000.000
76	LƯƠNG THỊ HỒNG PHƯƠNG	Phó phòng Nghiệp vụ Hội sở/ Deputy Manager of HO Operations Department	19.600	196.000.000
77	HOÀNG VŨ QUỲNH NHƯ	Phó phòng Nghiệp vụ Hội sở/ Deputy Manager of HO Operations Department	19.600	196.000.000
78	ĐÀO THỊ TƯƠI	Phó phòng Nghiệp vụ Hội sở/ Deputy Manager of HO Operations Department	18.400	184.000.000
79	PHẠM HOÀI NAM	Phó phòng Nghiệp vụ Hội sở/ Deputy Manager of HO Operations Department	18.100	181.000.000
80	LÊ THỊ THẢO NGUYỄN	Trưởng phòng Chi nhánh loại 1/ Manager of type 1 Branch	15.500	155.000.000
81	LÊ THỊ TUỆ MINH	Trưởng phòng Chi nhánh loại 1/ Manager of type 1 Branch	11.500	115.000.000
82	PHAN NGỌC THƠ	Phó phòng Khách hàng Cá nhân/ Deputy Manager of Individual Client Department	15.100	151.000.000
83	VÔ ÁI THUY DƯƠNG	Phó phòng Khách hàng Cá nhân/ Deputy Manager of Individual Client Department	14.400	144.000.000
VI	Nhân sự Nhóm 5/ Personnel of Group 5		401.800	4.018.000.000
84	LƯƠNG THỊ MAI	Phó phòng Chi nhánh loại 1/ Deputy Manager of type 1 Branch	7.400	74.000.000
85	NGUYỄN THỊ HÀ	Phó phòng Chi nhánh loại 1/ Deputy Manager of type 1 Branch	8.200	82.000.000
86	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Phó phòng Chi nhánh loại 1/ Deputy Manager of type 1 Branch	9.500	95.000.000
87	NGUYỄN THỊ HOA HIỀN	Phó phòng Chi nhánh loại 1/ Deputy Manager of type 1 Branch	7.400	74.000.000
88	NGUYỄN HUỲNH HÀ	Trưởng phòng Chi nhánh loại 2/ Manager of type 2 Branch	10.100	101.000.000
89	NGUYỄN BÍCH LY	Trưởng phòng Chi nhánh loại 2/ Manager of type 2 Branch	11.600	116.000.000
90	NGUYỄN THUY VÂN ANH	Trưởng phòng Chi nhánh loại 2/ Manager of type 2 Branch	11.100	111.000.000
91	NGÔ THỊ HỒNG THANH	Trưởng phòng Chi nhánh loại 2/ Manager of type 2 Branch	6.200	62.000.000
92	NGUYỄN THỊ TRÂM	Trưởng phòng Chi nhánh loại 2/ Manager of type 2 Branch	11.600	116.000.000
93	VÔ THỊ BÍCH TRÂM	Trưởng phòng Chi nhánh loại 2/ Manager of type 2 Branch	4.000	40.000.000
94	TRẦN THANH TRÚC	Trưởng phòng Chi nhánh loại 2/ Manager of type 2 Branch	4.800	48.000.000
95	VIÊN LẠI TRẦN CHIẾN	Trưởng phòng Chi nhánh loại 2/ Manager of type 2 Branch	11.400	114.000.000
96	NGUYỄN THÀNH DANH	Trưởng phòng Chi nhánh loại 2/ Manager of type 2 Branch	9.200	92.000.000
97	TRẦN THỊ HOÀI MY	Phó phòng Chi nhánh loại 2/ Deputy Manager of type 2 Branch	9.600	96.000.000
98	ĐỖ THẠCH LAM	Trưởng bộ phận/ Team Leader	10.700	107.000.000
99	NGUYỄN HUY PHƯƠNG	Trưởng bộ phận/ Team Leader	11.100	111.000.000
100	CÁP LÊ NGỌC NIÊN	Trưởng bộ phận/ Team Leader	10.200	102.000.000
101	NGUYỄN TRẦN TUẤN	Trưởng bộ phận/ Team Leader	11.100	111.000.000
102	HOÀNG THỊ LAN HƯƠNG	Trưởng bộ phận/ Team Leader	11.600	116.000.000
103	HOÀNG MẠNH HÙNG	Trưởng bộ phận/ Team Leader	14.700	147.000.000
104	TRỊNH THỊ DUNG	Trưởng bộ phận/ Team Leader	10.300	103.000.000
105	HỒ THỊ THẢO PHƯƠNG	Trưởng bộ phận/ Team Leader	11.100	111.000.000
106	LÊ MỸ PHƯƠNG HUỲNH	Trưởng bộ phận/ Team Leader	11.600	116.000.000
107	VÔ BÁ QUYẾN	Trưởng bộ phận/ Team Leader	11.100	111.000.000
108	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	Trưởng bộ phận/ Team Leader	11.100	111.000.000
109	LÊ THỊ NGÂN TÂM	Trưởng bộ phận/ Team Leader	11.100	111.000.000
110	ĐỖ THÀNH TRUNG	Trưởng bộ phận/ Team Leader	11.100	111.000.000
111	LÊ ANH ĐỨC	Trưởng bộ phận/ Team Leader	11.100	111.000.000
112	TRẦN THỊ KIM QUYÊN	Trưởng bộ phận/ Team Leader	12.700	127.000.000
113	LÊ PHƯƠNG QUỐC	Trưởng bộ phận/ Team Leader	11.100	111.000.000
114	HUỲNH MINH ANH	Trưởng bộ phận/ Team Leader	9.200	92.000.000
115	CỐ VẠN TẤN	Trưởng bộ phận/ Team Leader	12.300	123.000.000
116	NGUYỄN TẤN TOÀN	Trưởng bộ phận/ Team Leader	9.200	92.000.000
117	NGUYỄN KHÁNH ĐỨC	Trưởng bộ phận/ Team Leader	10.400	104.000.000

STT No.	Họ và tên/ Full name	Chức danh/ Title	Tổng số cổ phiếu đã phát hành/ Total issued shares	Giá trị phát hành (VNĐ)/ Issuance value (VND)
118	NGUYỄN BÍCH THỦY	Trưởng bộ phận/ Team Leader	10.700	107.000.000
119	BÙI THỊ TUYẾT	Trưởng bộ phận/ Team Leader	10.700	107.000.000
120	NGUYỄN HOÀNG LÂM	Trưởng bộ phận/ Team Leader	11.100	111.000.000
121	TRẦN CÔNG LUẬN	Trưởng bộ phận/ Team Leader	13.700	137.000.000
122	TRẦN LỆ HẠ DUNG	Thư ký Tổng Giám đốc/ Secretary of General Director	10.700	107.000.000
VII	Nhân sự tiềm năng/ Potential Personnel		174.900	1.749.000.000
123	HOÀNG TRỌNG DUY	Trưởng bộ phận tập sự/ Trainee Team Leader	6.400	64.000.000
124	LÊ THỊ HỒNG GẮM	Chuyên viên/ Senior Staff	6.800	68.000.000
125	NGUYỄN TRỌNG TÍN	Chuyên viên/ Senior Staff	5.900	59.000.000
126	TRẦN TUẤN KIẾT	Chuyên viên/ Senior Staff	6.400	64.000.000
127	HOÀNG THỊ THU HIỀN	Chuyên viên/ Senior Staff	6.400	64.000.000
128	LÊ THỊ MỸ LÝ	Chuyên viên/ Senior Staff	5.900	59.000.000
129	NGUYỄN THANH PHƯƠNG GIANG	Chuyên viên/ Senior Staff	5.900	59.000.000
130	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	Chuyên viên/ Senior Staff	6.400	64.000.000
131	HUỲNH THỊ MINH THƯ	Chuyên viên/ Senior Staff	5.900	59.000.000
132	LÊ TRƯỜNG LÂM	Chuyên viên/ Senior Staff	5.900	59.000.000
133	ĐẶNG GIA TUẤN	Chuyên viên/ Senior Staff	5.100	51.000.000
134	ĐINH VĂN ĐỒNG	Chuyên viên/ Senior Staff	6.400	64.000.000
135	LÊ MINH THÙY TRANG	Chuyên viên/ Senior Staff	5.900	59.000.000
136	TỔNG NGUYỄN TIẾN SƠN	Chuyên viên/ Senior Staff	6.400	64.000.000
137	NGUYỄN THỊ THÚY	Chuyên viên/ Senior Staff	4.800	48.000.000
138	NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO	Chuyên viên/ Senior Staff	7.000	70.000.000
139	NGUYỄN VĂN THÀNH NIÊN	Chuyên viên/ Senior Staff	5.900	59.000.000
140	NGUYỄN ÁI LIÊN	Chuyên viên/ Senior Staff	5.900	59.000.000
141	NGUYỄN MINH THƯ	Chuyên viên/ Senior Staff	3.900	39.000.000
142	ĐINH THỊ THANH HÀ	Chuyên viên/ Senior Staff	6.400	64.000.000
143	DƯƠNG THỊ HỒNG NHUNG	Chuyên viên/ Senior Staff	6.400	64.000.000
144	ĐỖ THỊ QUỲNH NHƯ	Chuyên viên/ Senior Staff	6.400	64.000.000
145	NGUYỄN PHÚ QUI	Chuyên viên/ Senior Staff	5.500	55.000.000
146	HOÀNG THỊ MAI HOÀNG	Kiểm soát viên/ Inspector	4.200	42.000.000
147	KIẾU THỊ MỸ TRANG	Kiểm soát viên/ Inspector	4.200	42.000.000
148	TRẦN THỊ NGỌC MINH	Kiểm soát viên/ Inspector	4.200	42.000.000
149	TRẦN THỊ HUYỀN TRẦN	Nhân viên/ Staff	3.100	31.000.000
150	VÔ NGỌC ÁNH	Nhân viên/ Staff	3.100	31.000.000
151	NGUYỄN THỊ THÚY VI	Nhân viên/ Staff	2.400	24.000.000
152	NGUYỄN PHONG PHÚ	Nhân viên/ Staff	5.500	55.000.000
153	NGUYỄN MINH NHỰT	Nhân viên/ Staff	6.400	64.000.000
154	TRẦN THANH TRÍ	Nhân viên/ Staff	3.900	39.000.000
VIII	Nhân sự thâm niên/ Long-tenured Personnel		182.200	1.822.000.000
155	PHAN UY VŨ	Chuyên viên/ Senior Staff	5.200	52.000.000
156	NGUYỄN THỨC KHÔI	Chuyên viên/ Senior Staff	5.200	52.000.000
157	NGUYỄN THỊ VĂN PHÚC	Chuyên viên/ Senior Staff	5.200	52.000.000
158	CAO THỊ THANH HUYỀN	Chuyên viên/ Senior Staff	5.200	52.000.000
159	BÙI THỊ BÍCH TRÂM	Chuyên viên/ Senior Staff	5.000	50.000.000

STT No.	Họ và tên/ Full name	Chức danh/ Title	Tổng số cổ phiếu đã phát hành/ Total issued shares	Giá trị phát hành (VNĐ)/ Issuance value (VND)
160	VÕ THỊ CẨM THU	Chuyên viên/ Senior Staff	4.600	46.000.000
161	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Chuyên viên/ Senior Staff	4.600	46.000.000
162	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	Chuyên viên/ Senior Staff	4.600	46.000.000
163	LÊ DUY LINH	Chuyên viên/ Senior Staff	4.800	48.000.000
164	LƯU VIỆT BẮC	Chuyên viên/ Senior Staff	4.000	40.000.000
165	LÊ BÁ KHÁNH	Chuyên viên/ Senior Staff	4.000	40.000.000
166	VÕ VĂN HUYNH	Chuyên viên/ Senior Staff	4.000	40.000.000
167	NGUYỄN KHẢ THỨC	Chuyên viên/ Senior Staff	4.400	44.000.000
168	LÊ THỊ THU THANH	Chuyên viên/ Senior Staff	3.800	38.000.000
169	NGUYỄN HOÀNG DŨNG	Chuyên viên/ Senior Staff	3.800	38.000.000
170	NGUYỄN PHƯỚC VINH	Chuyên viên/ Senior Staff	3.800	38.000.000
171	NGUYỄN THỊ LẬP	Chuyên viên/ Senior Staff	3.400	34.000.000
172	HOÀNG THỊ ÁNH NGỌC	Chuyên viên/ Senior Staff	3.400	34.000.000
173	LÊ VĂN HƯỜNG	Chuyên viên/ Senior Staff	3.200	32.000.000
174	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG	Chuyên viên/ Senior Staff	3.700	37.000.000
175	NGUYỄN THỊ THÚY	Chuyên viên/ Senior Staff	3.200	32.000.000
176	NGUYỄN THỊ QUỲNH EM	Chuyên viên/ Senior Staff	3.000	30.000.000
177	NGUYỄN ANH DÂN	Nhân viên/ Staff	5.000	50.000.000
178	NGUYỄN THỊ XUÂN HUYỀN	Nhân viên/ Staff	4.600	46.000.000
179	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	Nhân viên/ Staff	4.400	44.000.000
180	NGUYỄN HOÀNG DUY ANH	Nhân viên/ Staff	3.800	38.000.000
181	LẠI VĂN NGUYỄN	Nhân viên/ Staff	3.800	38.000.000
182	VƯƠNG THỊ THÚY LY	Nhân viên/ Staff	3.600	36.000.000
183	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nhân viên/ Staff	3.600	36.000.000
184	LÊ THỊ TUYẾT NHUNG	Nhân viên/ Staff	3.600	36.000.000
185	HÀ TIẾN HOÀNG	Nhân viên/ Staff	3.400	34.000.000
186	NGUYỄN MINH THĂNG	Nhân viên/ Staff	3.400	34.000.000
187	VŨ THỊ TRÀ GIANG	Nhân viên/ Staff	2.900	29.000.000
188	ĐỖ ĐÌNH BỬU	Nhân viên/ Staff	3.200	32.000.000
189	PHAN THỊ THU THỦY	Nhân viên/ Staff	3.000	30.000.000
190	NGUYỄN LÊ VĂN	Nhân viên/ Staff	2.700	27.000.000
191	TRẦN THỊ MAI HƯƠNG	Nhân viên/ Staff	3.000	30.000.000
192	ĐINH QUANG KHÁNH	Bảo vệ/ Security Staff	5.000	50.000.000
193	TRẦN PHÁT TÀI	Bảo vệ/ Security Staff	4.200	42.000.000
194	NGUYỄN HỮU DANH	Bảo vệ/ Security Staff	3.400	34.000.000
195	HUỲNH HỮU PHƯƠNG	Tài xế/ Driver	5.200	52.000.000
196	TRẦN NGỌC DŨNG	Tài xế/ Driver	5.200	52.000.000
197	PHẠM XUÂN ANH	Tài xế/ Driver	5.000	50.000.000
198	NGUYỄN LÊ GIA MINH	Tài xế/ Driver	4.900	49.000.000
199	NGUYỄN MINH TRÍ	Tài xế/ Driver	3.200	32.000.000
IX	Công ty con/ Subsidiary (VDAM)		235.000	2.350.000.000
200	NGUYỄN MIÊN TIẾN	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Đầu tư cao cấp BoD Member and Senior Investment Director	30.900	309.000.000
201	ĐẶNG THỊ LAN HƯƠNG	Phó Tổng Giám đốc phụ trách nghiệp vụ Deputy General Director in charge of operations	89.700	897.000.000

STT No.	Họ và tên/ Full name	Chức danh/ Title	Tổng số cổ phiếu đã phát hành/ Total issued shares	Giá trị phát hành (VNĐ)/ Issuance value (VND)
202	NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY	Kế toán trưởng/ Chief Accountant	29.900	299.000.000
203	TÔN LONG NHẤT ẬU	Giám đốc đầu tư/ Investment Director	29.900	299.000.000
204	VÕ HOÀNG THIỆN	Trưởng phòng/ Manager	18.500	185.000.000
205	NGUYỄN THỊ THÙY ĐOÀN	Trưởng phòng/ Manager	10.100	101.000.000
206	TRỊNH NGỌC HIẾU	Trưởng phòng/ Manager	14.300	143.000.000
207	BÙI HUY HOÀNG	Phó phòng/ Deputy Manager	11.700	117.000.000
TỔNG SỐ CỔ PHIẾU PHÂN BỐ/ TOTAL ALLOCATED SHARES			4.700.000	47.000.000.000

Số/No.: 52./2025/TB-HĐQT

TP. HCM, ngày 29. tháng 08 năm 2025

HCM City, August 29., 2025

THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

NOTICE OF CHANGE IN NUMBER OF SHARES WITH VOTING RIGHTS

- Kính gửi:**
- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
 - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
 - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM
- To:**
- STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM
 - VIETNAM EXCHANGE
 - HO CHI MINH STOCK EXCHANGE

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**
Name of organization: **VIET DRAGON SECURITIES CORPORATION**
- Mã chứng khoán/Stock code: VDS
- Mã thành viên/Broker code: 033
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 đến Tầng 8, Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Head Office Address: Floors 1 to 8, Viet Dragon Tower, 141 Nguyen Du Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Điện thoại/ Telephone: (028) 6299 2006 Website: www.vdsc.com.vn

Stt/ No	Nội dung/Content	Trước khi thay đổi/ Before Change	Thay đổi/ Change	Sau khi thay đổi/ After Change	Lý do thay đổi/ Reason
1	Vốn điều lệ (VNĐ)/ Charter capital (VND)	2.673.000.000.000	47.000.000.000	2.720.000.000.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 (*)/ The share
2	Tổng số cổ phiếu/ Total number of shares	267.300.000	4.700.000	272.000.000	
3	Số lượng Cổ phiếu quỹ/ Number of treasury shares	0	0	0	

Stt/ No	Nội dung/Content	Trước khi thay đổi/ Before Change	Thay đổi/ Change	Sau khi thay đổi/ After Change	Lý do thay đổi/ Reason
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết/ Number of shares with voting rights	267.300.000	4.700.000	272.000.000	issuance under the Employee Stock Ownership Plan (ESOP) 2025 (*)
5	Số lượng cổ phiếu ưu đãi/ khác /Number of preferred/other shares	0	0	0	

Ghi chú: (*) Lý do thay đổi nêu tại nội dung (1), (2) và (4).

Note: (*) The reason for the changes mentioned in items (1), (2), and (4).

Tài liệu đính kèm/ Attached:

- Báo cáo kết quả phát hành số .51./2025/BC-HĐQT ngày 29/08/2025;
- Report on the result of share issuance No. .51./2025/BC-HĐQT dated August 29, 2025.

Nơi nhận/ To:

- UBCKNN/ SSC, VNX, HSX;
- Quý Cổ đông/ Shareholders;
- HĐQT, BKS "để báo cáo"/ BOD, BOS "to follow";
- Lưu VP. HĐQT/ Archive in BOD Office.

CTCP CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VIET DRAGON SECURITIES CORPORATION
LEGAL REPRESENTATIVE

CHAIRMAN

NGUYỄN MIÊN TUẤN

